

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 10-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
- Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 426/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Huỳnh Châu Hồng N**, sinh năm 1982 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: **Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1942 và bà **Châu Thị Đ1**, sinh năm 1948; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1985; bị cáo có vợ tên **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 2002; có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2021 đến ngày 25/11/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng quyết định Bảo lãnh; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2024 cho đến nay; có mặt.

2. **Phan Quốc P**, sinh năm 1992 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: **Xóm D, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An**; tạm trú: **Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông **Phan Quốc H**, sinh năm 1964 và bà **Lê Thị L**, sinh năm 1964; bị cáo có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo có vợ tên **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1992; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự:

Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2021 đến ngày 25/11/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng quyết định Bảo lãnh; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2024 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Châu Hồng N: Bà Hứa Thị T1 – Luật sư Công ty L1 – Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Vũ Thị A, sinh năm 1987; thường trú: Số G khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Lê Hồ H2, sinh năm 2001; thường trú: Số F khu V, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1977; thường trú: Số A đường D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Bà Bùi Nguyễn Thùy T2, sinh năm 2000; thường trú: Số C đường D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Bà Ngô Thị Thu H3, sinh năm 1984; thường trú: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Bà Lê Thị X, sinh năm 1993; thường trú: Xóm A, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1991; thường trú: Số A, tổ A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8. Bà Phan Thị Cẩm T3, sinh năm 2002; thường trú: Số G khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

9. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 2000; thường trú: Số G khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Tăng T4, sinh năm 2000; thường trú: Thôn B, A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng: Ông Văn Thành Đ2, sinh năm 1981; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Quốc P và bà Vũ Thị A, sinh năm 1987; thường trú: Số G khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là hàng xóm của nhau. Bà A làm nghề kinh doanh ga. Bà A biết P có tham gia lực lượng dân quân thường trực tại khu phố T, phường T nên đã nhờ P xin giúp giấy đi đường để cho nhân viên của bà A sử dụng để đi giao ga do trong thời điểm dịch bệnh phức tạp, việc đi lại rất khó khăn. Vào khoảng đầu tháng 8/2021, bà A đã chụp và gửi cho P mẫu giấy đi đường có đóng dấu mộc đỏ do UBND phường T, thành phố D phát hành để nhờ P xin giúp. Mặc dù không xin được nhưng P vẫn nhận lời bà A. Sau đó, P đã đem mẫu giấy đi đường do bà A gửi cho Huỳnh Châu Hồng N xem và hỏi N có scan (làm giả) được dấu mộc của UBND phường T không thì N liền liên hệ với người đàn ông tên P1 (không rõ nhân thân, lai lịch) để đặt làm thử. Sau khi P1 báo sẽ làm được nhưng yêu cầu trả phí 200.000 đồng/tờ thì N báo cho P và P báo cho bà A biết sẽ xin được giấy cho bà A nhưng yêu cầu bà A phải bồi dưỡng tiền trà nước

cho cán bộ cung cấp giấy. Do P cam đoan với bà A những giấy đi đường đều là thật nên bà A đồng ý và nhờ P xin 05 tờ. Sau khi nhận được 05 giấy đi đường từ N thì P đưa cho bà A và yêu cầu bà A đưa số tiền 1.300.000 đồng để bồi dưỡng, P đưa cho N 1.000.000 đồng để trả cho P1, còn 300.000 đồng N và P tiêu xài hết. Sau khi nhận được giấy đi đường từ P thì bà A đã đưa cho nhân viên của mình sử dụng, sau khi hết hạn thì vứt bỏ.

Sau đó, do tin tưởng nên bà A tiếp tục nhờ P nếu có xin được hồ sơ tiêm vắc xin phòng Covid - 19 thì xin giúp, P nhận lời. Ngày 06/8/2021 sau khi đi tiêm vắc xin phòng C - 19 về thì P đưa hồ sơ tiêm vắc xin do UBND phường T phát hành cho N xem và hỏi có làm giả được không thì N liên hệ với P1, P1 báo sẽ làm được nhưng phí là 300.000 đồng/bộ. N báo cho P biết và P đồng ý đặt làm 04 bộ. Một bộ hồ sơ tiêm vắc xin do P1 làm cho N gồm có giấy xác nhận đã tiêm vắc xin phòng covid 19 có dấu mộc của UBND phường T, giấy mời có dấu mộc của UBND phường T, phiếu sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng C – 19 và phiếu tiêm chủng vắc xin phòng C tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 21/8/2021, N báo cho P biết đã làm giả được hồ sơ thì P điện thoại cho bà A để thông báo có xin được 02 bộ hồ sơ tiêm vắc xin ngừa Covid - 19 nhưng do P đã tiêm rồi, nếu bà A cần thì P để lại với giá 700.000 đồng/bộ. Do công việc buôn bán, đi lại nhiều trong lúc tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp nên bà A đồng ý mua của P 02 bộ hồ sơ để đưa cho nhân viên của mình hồ sơ để đi tiêm. P mang hồ sơ trực tiếp đến nhà cho bà A và nhận 1.400.000 đồng, P đưa lại cho N 600.000 đồng để trả cho P1, P giữ lại 800.000 đồng tiêu xài.

Đến ngày 27/8/2021, P tiếp tục gọi điện cho bà A để báo việc P vừa mới xin thêm được 02 bộ hồ sơ tiêm vắc xin nữa, bà A cần thì P lấy giá 800.000 đồng/bộ, bà A trả lời P để hỏi bạn rồi trả lời sau. Bà A gọi điện cho hai người bạn tên là bà Nguyễn Thị G và bà Ngô Thị H3 hỏi có nhu cầu tiêm vắc xin không thì bà A xin hồ sơ giúp cho nhưng phải bồi dưỡng tiền trà nước cho cán bộ cho hồ sơ. Bà G đồng ý lấy 01 bộ để cho con gái bà là bà Bùi Nguyễn Thùy T2 sử dụng đi tiêm, còn bà H3 lấy 01 bộ để cho em dâu là bà Lê Thị X sử dụng. Lần này, bà A yêu cầu P đưa trực tiếp cho bà G và bà H3 để nhận tiền. Tuy nhiên, do bà H3 và bà G không có sẵn tiền nên nhờ bà A trả giúp. Vì vậy, P đã quay lại gặp bà A để nhận tổng số tiền là 1.600.000 đồng, P đưa cho N 600.000 đồng để trả cho P1, P giữ lại 1.000.000 đồng tiêu xài. Tổng thu lợi bất chính của Phan Quốc P là 2.100.000 đồng; Huỳnh Châu Hồng N là 2.200.000 đồng.

Đối với Huỳnh Châu Hồng N ngoài việc đặt P1 làm 04 bộ hồ sơ tiêm vắc xin phòng Covid - 19 theo yêu cầu của P thì N còn nhờ P1 làm thêm cho N 02 bộ để N đưa về cho người quen sử dụng. Ngày 25/8/2021, N đem 02 bộ hồ sơ cho bạn gái là bà Nguyễn Thị Kim N1 và kêu N1 đưa cho người nhà ai chưa tiêm vắc xin thì sử dụng để đi tiêm.

Đối với bà Vũ Thị A sau khi nhận 02 bộ hồ sơ từ P thì bà A đã đưa cho hai nhân viên của mình là Lê Hồ H2 và Nguyễn Tăng T4 sử dụng để tiêm vắc xin. Ngày 22/8/2021, H2 và T5 đã sử dụng hai bộ hồ sơ trên để đến tiêm vắc xin tại địa điểm tiêm là Trung tâm văn hóa phường T.

Đối với bà Ngô Thị Thu H3 sau khi nhận hồ sơ từ P đã đưa cho em dâu là bà Lê Thị X sử dụng. Ngày 28/8/2021, bà X sử dụng bộ hồ sơ do bà H3 đưa để đi tiêm vắc xin thì bị ông Văn Thành Đ2 là công chức phường T được cử đi hỗ trợ tiêm vắc xin tại địa điểm Trung tâm văn hóa phường T phát hiện giấy chứng nhận tiêm vắc xin phòng C - 19 của bà X in sai tên của Trạm trưởng Trạm y tế phường T nên nghi ngờ có dấu hiệu làm giả, vì vậy ông Đ2 đã giữ lại giấy tờ của bà X.

Đối với bà Nguyễn Thị G sau khi nhận hồ sơ từ P thì đưa cho con gái là bà Bùi Nguyễn Thùy T2 sử dụng. Ngày 28/8/2021, bà T2 sử dụng để đi tiêm vắc xin tại địa điểm Trung tâm văn hóa phường T. Sau khi tiêm xong, bà T2 ngồi chờ đóng dấu tại giấy chứng nhận tiêm vắc xin phòng C - 19 thì bị ông Văn Thành Đ2 phát hiện giấy chứng nhận tiêm vắc xin phòng Covid - 19 của bà T2 in sai tên của Trạm trưởng Trạm y tế phường T nên nghi ngờ có dấu hiệu làm giả, vì vậy ông Đ2 đã giữ lại giấy tờ của bà T2.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim N1 sau khi nhận hai bộ hồ sơ tiêm vắc xin từ N thì đưa cho hai người em họ là bà Phan Thị Ngọc D và bà Phan Thị Ngọc T6 sử dụng. Ngày 28/8/2021, bà T6 và bà D sử dụng hai bộ hồ sơ trên để đi tiêm vắc xin thì cũng bị ông Văn Thành Đ2 phát hiện giấy chứng nhận tiêm vắc xin phòng C - 19 của bà T6 và bà D in sai tên của Trạm trưởng Trạm y tế phường T nên nghi ngờ có dấu hiệu làm giả, vì vậy ông Đ2 đã giữ lại giấy tờ của bà T6 và bà D rồi trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D lập hồ sơ vụ việc.

Qua làm việc, bà Vũ Thị A, ông Lê Hồ H2, ông Nguyễn Tăng T4, bà Ngô Thị Thu H3, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Phan Thị Ngọc D, bà Phan Thị Ngọc T6 và bà Bùi Nguyễn Thùy T2 xác định không biết giấy xác nhận tiêm vắc xin phòng C - 19 là do P và N làm giả.

Ngày 31/8/2021, Phan Quốc P và Huỳnh Châu Hồng N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Vật chứng thu giữ: 06 (sáu) giấy xác nhận tiêm vắc xin phòng C - 19 có dấu mộc của Trạm y tế phường Tân Bình mang tên Nguyễn Tăng T4, Phan Thị Ngọc D, Phan Thị Ngọc T6, Lê Thị X, Bùi Nguyễn Thùy T2, Lê Hồ H2; 01 (một) Giấy mời mang tên Lê Thị X có dấu mộc của UBND phường T.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 381/GĐ-PC09 ngày 03/9/2021 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

+ Hình dấu tròn có nội dung “*U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6) (tức là 05 (năm) Giấy xác nhận tiêm vắc xin phòng C - 19 mang tên Lê Hồ H2, Lê Thị X, Phan Thị Ngọc D, Phan Thị Ngọc T6 và Bùi Nguyễn Thùy T2 và hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” trên Giấy mời mang tên Lê Thị X) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên “Biên bản thu mẫu dấu” đề ngày 27/8/2021 (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra .

+ Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” trên “Giấy xác nhận đã tiêm vắc xin phòng chống C - 19” cấp cho Nguyễn Tăng T4, sinh năm 2000 (ký hiệu từ A7) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên “Biên bản thu mẫu dấu” đề ngày 27/8/2021 (ký hiệu M) do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số: 381/GĐ- PC09 ngày 03 tháng 9 năm 2021 của Phòng K Công an tỉnh B.

Đối với hành vi mua bán, sử dụng hồ sơ, tài liệu giả của bà Vũ Thị A, bà Nguyễn Thị G, ông Lê Hồ H2, bà Ngô Thị Thu H3, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Phan Thị Ngọc D, bà Phan Thị Ngọc T6 và bà Bùi Nguyễn Thùy T2 do không biết hồ sơ, tài liệu của Phan Quốc P và Huỳnh Châu Hồng N bán ra là giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng P1, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với 05 (năm) giấy đi đường có đóng dấu mộc đỏ của Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, các bị cáo P và N khai làm giả và bán lại cho bà A, không thu hồi được, không có tài liệu để giám định nên không có căn cứ xử lý.

Tại cáo trạng số: 237/QĐ – VKS ngày 24 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Quốc P về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Huỳnh Châu Hồng N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phan Quốc P với mức hình phạt từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Châu Hồng N mức hình phạt từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Phan Quốc P nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.100.000 đồng và buộc bị cáo Huỳnh Châu Hồng N nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.200.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 06 (sáu) giấy xác nhận tiêm vắc xin phòng covid 19 có hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.DĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” mang tên Lê Hồ H2, Lê Thị X, Phan Thị Ngọc D, Phan Thị Ngọc T6 và Bùi Nguyễn Thùy T2, Nguyễn Tăng T4 và 01 (một) giấy mời có hình dấu tròn có nội dung “ U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.DĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” mang tên Lê Thị X, là vật chứng trong vụ án nên đề nghị tịch thu lưu hồ sơ vụ án;

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Châu Hồng N tranh luận: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo N. Người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người phạm tội đã lập công chuộc tội đồng thời nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, bị cáo đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phòng chống tội phạm tại địa phương, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Còn tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng hoàn cảnh dịch bệnh để phạm tội” theo điểm 1 khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì người bào chữa không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và xử lý vật chứng đồng thời trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Kết luận giám định số: 381/GĐ-PC09 ngày 03 tháng 9 năm 2021 của Phòng K Công an tỉnh B và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Ngày 21/8/2021, tại địa bàn phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Phan Quốc P đã có hành vi cung cấp thông tin để Huỳnh Châu Hồng N nhờ người đàn ông tên P1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 04 con dấu, tài liệu giả gồm 03 (ba) “Giấy xác nhận đã tiêm vắc xin C -19” tên Lê Thị X, Bùi Nguyễn Thùy T2, Lê Hồ H2 và 01 (một) “Giấy mời tiêm vắc xin C -19” tên Nguyễn Thị X1. Ngoài ra, bản thân Huỳnh Châu

Hồng N nhờ cho người đàn ông tên P1 còn giả 02 (hai) “Giấy xác nhận đã tiêm vắc xin C -19” tên Phan Thị Ngọc D, Phan Thị Cẩm T3, mục đích bán lại cho người khác kiếm lời và đưa người thân sử dụng tiêm vắc xin C -19. Tổng số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là 4.300.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Huỳnh Châu Hồng N làm giả 05 (năm) “Giấy xác nhận đã tiêm vắc xin phòng C - 19” và 01 (một) “Giấy mời tiêm vắc xin C -19”, đã đủ yếu tố cấu thành “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” được quy định điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi nhờ N làm giả 03 (ba) “Giấy xác nhận đã tiêm vắc xin phòng C - 19” và 01 (một) “Giấy mời tiêm vắc xin Covid-19”, đã đủ yếu tố cấu thành “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 437/CT – VKS ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Về nhận thức các bị cáo hoàn toàn biết hành vi làm giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức nhằm bán lại kiếm lời là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo P là người cung cấp thông tin, còn bị cáo N là người trực tiếp liên hệ với người đàn ông tên P1 để thực hiện hành vi làm giả nhằm mục đích kiếm lời.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo Huỳnh Châu Hồng N đã tự nguyện nộp lại số tiền 2.200.000 đồng, bị cáo Phan Quốc P đã tự nguyện nộp lại số tiền 2.100.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có; bị cáo N tích cực đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương, là người có công trong việc giúp các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phòng chống tội phạm tại địa

phương và là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và là người lao động nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước đồng thời hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo **Phan Quốc P** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.100.000 đồng và buộc bị cáo **Huỳnh Châu Hồng N** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.200.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 05 (năm) giấy xác nhận tiêm vắc xin ngừa **C** - 19 có hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” mang tên **Lê Hồ H2**, **Lê Thị X**, **Phan Thị Ngọc D**, **Phan Thị Ngọc T6** và **Bùi Nguyễn Thùy T2**, 01 (một) giấy mời có hình dấu tròn có nội dung “ U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” mang tên **Lê Thị X** là giấy tờ giả, là vật chứng của vụ nên cần tịch thu lưu hồ sơ.

[11] Đối với người đàn ông tên **P1** làm giả các giấy xác nhận tiêm vắc xin ngừa covid 19 có hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” và giấy mời có hình dấu tròn có nội dung “ U.B.N.D PHƯỜNG TÂN BÌNH TP.ĐĨ AN T.BÌNH DƯƠNG” cho **Huỳnh Châu Hồng N**, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố D** tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Đối với bà **Vũ Thị A**, ông **Lê Hồ H2**, ông **Ngô Thị Thu H3**, bà **Lê Thị X**, bà **Nguyễn Thị Kim N1**, bà **Phan Thị Ngọc D**, bà **Phan Thị Ngọc T6** và bà **Bùi Nguyễn Thùy T2** do không biết các giấy xác nhận đã tiêm vắc xin phòng Covid - 19 và giấy mời của **UBND phường T** do các bị cáo **P** và **N** đưa cho là do làm giả mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công An thành phố D** không đề nghị xử lý, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với 05 (năm) giấy đi đường có đóng dấu mộc đỏ của **UBND thành phố D**, tỉnh Bình Dương và giấy mời tiêm vắc xin Covid -19 của **UBND phường**

T, các bị cáo P và N khai làm giả và bán lại cho bà A để bà A đưa cho nhân viên sử dụng đi giao ga, đưa nhân viên và người thân đi tiêm vắc xin covid -19, hiện không thu hồi được, không có tài liệu để giám định (điều kiện để khởi tố vụ án) nên không có căn cứ xử lý đối với hành vi này của các bị cáo P và N là đúng theo quy định của pháp luật.

[13] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn mức hình phạt, xét tính chất, mức độ, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Lợi dụng hoàn cảnh dịch bệnh để phạm tội” theo điểm 1 khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà đại diện Viện kiểm sát áp dụng đối với các bị cáo. Xét thấy hành vi của các bị cáo liên quan đến dịch bệnh Covid -19. Tuy nhiên, những người mua giấy xác nhận tiêm vắc xin ngừa C - 19 giả của các bị cáo, mục đích để được tiêm vắc xin covid -19, giả sử nếu không có giấy xác nhận tiêm vắc xin ngừa C - 19 giả của các bị cáo thì những người này cũng đủ điều kiện để được tiêm vắc xin theo chủ trương của Nhà nước tại thời điểm đó (tất cả người dân đều được tiêm vắc xin nhằm phòng chống dịch covid -19), không thuộc trường hợp không có cách nào khác, ngoài cách mua giấy xác nhận tiêm vắc xin ngừa C - 19 giả của các bị cáo để được tiêm vắc xin. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với các bị cáo.

[14] Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Châu Hồng N là có cơ sở chấp nhận một phần.

[15] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Quốc P, Huỳnh Châu Hồng N phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phan Quốc P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2021 đến ngày 25/11/2021.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Châu Hồng N** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2021 đến ngày 25/11/2021.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo **Huỳnh Châu Hồng N** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.200.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ toàn bộ số tiền bị cáo **N** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002252 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Buộc bị cáo **Phan Quốc P** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.100.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền bị cáo **P** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002259 ngày 23/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Phan Quốc P**, **Huỳnh Châu Hồng N**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

